TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2023.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Viết Thanh

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp về hôn nhân gia đình – ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Cao Thị Tuyết M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà B, đường số D, KDC, Tổ Z, Khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: Nhà trọ N, Số Q, đường P, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Cao Thị Tuyết M là luật sư Nguyễn Thành P – Công ty luật Đ, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Số K, đường NVB, Khóm E, phường V, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Phan Thanh H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà X, đường Q, Tổ L, khóm MP, phường U, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phan Thanh H là luật sư Thái Quang T1 – Văn phòng luật sư CN, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số G, đường K , Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M, anh H, luật sư P và luật sư T1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, nguyên đơn Cao Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phú vào ngày 28/6/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng gần đây do không đồng quan điểm sống đã dẫn đến hai bên thường xuyên cãi vả, vợ chồng luôn trong tình trạng mâu thuẫn kéo dài. Anh H không trò chuyện, luôn hâm dọa, đánh đập chị nhiều lần. Mặc dù, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn không thể giải quyết được. Ngày 17/02/2021, chị và anh H ly thân. Chị dọn ra ở riêng cùng con tại nhà trọ N, Số Q, đường P, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Trước đây và cho đến hiện tại thì anh H không có trách nhiệm về kinh tế để lo cho con. Anh H luôn ỷ vào mẹ ruột để trông nom cháu, khi có bất hòa trong gia đình, anh H mang con qua nhà nội, bỏ mặc chị, nhiều lần mang con ra uy hiếp nên chị không dám nộp đơn ly hôn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H bởi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, có dấu hiệu bạo lực gia đình về tinh thần và thể xác, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cần ly hôn để ổn định cuộc sống của mình và con. Nay chị Cao Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018, hiện con chung đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Cao Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh H. Chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh H có hành vi đánh đập chị nhiều lần, chỉ cung cấp các tin nhắn đã được lập vi bằng thể hiện việc anh H chửi và đe dọa chị. Ngoài ra, chị không có yêu cầu xử lý, không yêu cầu trách nhiệm nào khác về hành vi của anh H như chị đã trình bày.

Về con chung: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018. Về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu T hiện đang học tại Trường mầm Non MT. Trước đây thời gian đầu khi chị và anh H ly thân thì cháu T học tại Trường mầm non HM, khi chị nộp đơn khởi kiện ly hôn thì anh H chuyển cháu T về học tại Trường mầm non MT từ khoảng tháng 02 năm 2021 đến nay. Cháu T học tại Trường mầm non MT gần nhà anh H. Từ khi chuyển cháu T học tại Trường mầm non MT thì tiền học phí và tiền sữa hàng tháng của cháu T là do anh H chi trả, chị chi trả các khoản chi phí khác. Chị thừa nhận tình cảm cha con giữa cháu T và H tốt. Hiện nay, chị thống nhất cho anh H rước và cháu T ngủ lại nhà anh H 03 ngày trong tuần, trường hợp chị đi công tác thì có nhờ anh H rước cháu hoặc nếu chị đi về trễ thì cháu T cũng ngủ lại nhà anh H.

Chị hiện có 02 con gồm con lớn là cháu Nguyễn Thành N, sinh năm 2009 và cháu Phan Ngọc Anh T, sinh năm 2018. Cháu N là con của chị với chồng cũ đã ly hôn và giao chị nuôi dưỡng. Hiện nay, chị cùng hai con đang sinh sống tại nhà trọ Tư Nghiệp, Số 7, đường Trần Phú, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị thừa nhận khi chị mang thai cháu T khoảng 06 tháng, chị đã uống bia đến mức anh H phải chở đi bệnh viện cấp cứu. Sau khi sinh cháu T được hơn 02 tháng, chị có lấy gối đè lên mặt cháu T, nhưng tại thời điểm đó có anh H kịp thời can ngăn. Chị giải thích nguyên nhân hành động như vậy là do anh H không quan tâm nên hành động như vậy để được anh H quan tâm.

Chị nêu các lý do cho yêu cầu được nuôi con chung gồm: Từ khi cưới đến lúc mâu thuẫn xảy ra anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, không đưa lương hay thu nhập khác cho chị, tất cả mọi việc trong nhà đều do chị lo; Chị hiện là nhân viên thu hồi nợ của Ngân hàng Phương Đ, có thu nhập trên 20.000.000 đồng/ 01 tháng; Từ khi ly thân vào tháng 02/2021 đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc con, cháu T hiện nay sức khoẻ tốt và phát triển bình thường; Anh H có đánh đập chị mặc dù chị không có chứng cứ chứng minh

nhưng anh H còn có dấu hiệu của bạo lực gia đình bằng tinh thần thông qua việc nhắn tin đe doạ chị; Cháu T là con gái nên giao cho mẹ chăm sóc phù hợp hơn; Chị không yêu tâm khi giao cháu T cho ông bà nội và anh H chăm sóc.

Về tài sản chung: Chị không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của anh H.

Việc anh H rút yêu cầu đối với số vàng cưới 13 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng chị thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Chị trình bày lý do không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của anh H vì tất cả tài sản và tiền là tài sản riêng của chị. Nguồn gốc tiền 350.000.000 đồng và thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân có được từ số tiền chị bán nhà đất thuộc thửa đất 79, tờ bản đồ 31, toạ lạc tại xã MT. Nhà đất này chị nhận chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/10/2017, bằng số tiền của cá nhân chị tích lũy và tiền mặt của cha mẹ chị cho nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Sau chị nhận chuyển nhượng thửa đất 79, tờ bản đồ 31, toạ lạc tại xã MT thì chị và anh H có vay tín chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 300.000.000 đồng để xây dựng nhà vào tháng 12/2017. Tiền trả ngân hàng mỗi tháng là do chị đưa tiền cho anh H hoặc chị trực tiếp đi trả nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả tiền vay này. Sau khi xây dựng nhà do vay nợ ngân hàng và nhiều khoản khác trong cuộc sống nên chị đã chuyển nhượng nhà đất thuộc thửa đất 79, tờ bản đồ 31, toạ lạc tại xã MT được 1.730.000.000 đồng. Chị thừa nhận Biên nhận ngày 26/4/2019, chị và anh H cùng ký tên để nhận tiền cọc bán nhà đất tại thửa đất 79, tờ bản đồ 31, toạ lạc tại xã MT cho Lê Đức H2. Chị đồng ý cho anh H cùng thoả thuận việc bán nhà vì tại thời điểm đó chị và anh H là vợ chồng, chị đồng ý để anh H có thêm trách nhiệm với gia đình. Từ số tiền chuyển nhượng nhà có được, chị trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 310.350.000 đồng và chi trả các khoản khác nên số tiền còn lại là 1.320.000.000 đồng. Ngày 17/3/2020 chị nhận chuyển nhượng thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân với giá 900.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng do phải chăm sóc con nhỏ nên chị đã ủy quyền cho anh H thực hiện toàn bộ thủ tục giấy tờ. Số tiền còn lại, chị có đưa cho anh H số tiền 50.000.000 đồng để mua xe và cho em gái anh H mượn số tiền 30.000.000 đồng. Chị thống nhất số tiền còn lại sau khi trừ tất cả các khoản chi do chị quản lý là 350.000.000 đồng nhưng chị không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung vì xác định đây là tài sản riêng của chị như đã nêu trên và hiện số tiền này không còn do khi chị mang

thai, sinh con và còn làm việc tại Bệnh viện TT tỉnh Đồng Tháp lương không cao, thu nhập không đủ nên chị đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chăm lo cho cháu T kể từ khi chị và anh H ly thân. Đến năm 2018-2019 chị xin nghỉ việc tại Bệnh viên TT tỉnh Đồng Tháp ra ngoài làm thì thu nhập mới cao hơn.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh H chị yêu cầu được nhận thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vì hiện nay chị chưa có nhà và phải ở trọ. Đồng thời, chị thống nhất giá đất là 1.203.300.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH định giá A. Đối với những người giáp ranh tại thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, chị không biết những người này hiện nay ở đâu, không cung cấp được thông tin cho Tòa án vì khi nhận chuyển nhượng chị ủy quyền cho anh H thực hiện toàn bộ thủ tục. Trường hợp Tòa án chấp nhận giao đất cho chị thì chị thống nhất nhận đất như hiện trạng thể hiện trong Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022, trường hợp nếu sau khi chị nhận đất có phát sinh tranh chấp ranh thì chị sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Chị thừa nhận ngày 27/9/2019, có cho anh Lê Văn H1 và chị Nguyễn Thị P vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 16/9/2019 chị có cho anh Lê Trung E và chị Ngô Thị Hoàng O vay số tiền 70.000.000 đồng bằng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà anh H đã cung cấp tại phiên tòa. Tuy nhiên, chị xác định hiện nay những người này đã trả tiền và chị không có yêu cầu, không có tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với anh Lê Văn H1, chị Nguyễn Thị P, anh Lê Trung E , chị Ngô Thị Hoàng O trong vụ án này.

Chị trình bày hiện còn nợ Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp số tiền 57.000.000 đồng. Chị và anh H sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp việc trả nợ. Đối với ý kiến của Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp đề nghị không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng và không có tranh chấp trong vụ án này chị thống nhất.

Tại phiên hòa giải, chị có trình bày yêu cầu được nhận lại bộ bàn ghế có trị giá 27.000.000 đồng từ anh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị thống nhất chị và anh H tự thỏa thuận, không có yêu cầu, không có tranh chấp trong vụ án này.

Tại phiên tòa, chị thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định ngày 02/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022; không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu

nào khác, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại; không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Tại phiên tòa, chị thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và hiện không thế chấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Cao Thị Tuyết M là luật sư Nguyễn Thành P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ly hôn nên không tranh luận gì thêm.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị M với các lý do: Chị M có thu nhập ổn định, con chung là con gái nên giao cho mẹ là phù hợp, trong quá trình chung sống anh H có dấu hiệu của việc bạo lực gia đình bằng tin nhắn đối với chị M. Về cấp dưỡng chị M không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh H. Vì tất cả tài sản hình thành từ nguồn tiền riêng của chị M từ dành dụm và cha mẹ chị Mai cho. Các tài sản hình thành phần lớn công sức đóng góp là của chị M do thu nhập của chị M trên 20.000.000 đồng/tháng. Đối với yêu cầu chia số tiền 350.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của anh H do đã chi tiêu vào sinh hoạt gia đình và chăm lo cho các con.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong đơn phản tố đề ngày 04/5/2022, bị đơn Phan Thanh H trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Tuyết M.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do yêu cầu được nuôi con chung gồm chị M đã có 01 người con riêng tên Nguyễn Thành N, sinh năm 2009; trong thời gian chung sống chị M lấy cớ đi làm và giao lưu bạn bè thường xuyên bỏ con đi nhậu nhẹt đến khuya mới về, anh ở nhà trông con nên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến; trước đây chị M có hành vi ngược đãi, hành hung cháu T; anh chỉ có 01 đứa con duy

nhất là cháu T.

Về tài sản chung: Anh và chị Cao Thị Tuyết M có một số tài sản chung gồm: Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, hiện do chị Cao Thị Tuyết M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạm tính giá trị đất là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Anh yêu cầu được nhận đất và đồng ý trả ½ giá trị đất cho chị Cao Thị Tuyết M số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng); Số vàng cưới hiện do chị Cao Thị Tuyết M đang cất giữ gồm 13 chỉ vàng 24k, tạm tính giá trị là 5.400.000 đồng/ 01 chỉ x 13 chỉ là 70.200.000 đồng. Anh yêu cầu được nhận một nữa giá trị tài sản là 35.100.000 đồng; Ngày 26/04/2019, anh và chị M có chuyển nhượng 01 căn nhà 01 trệt, 01 lầu tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 31, toạ lạc tại xã MT, thành phố C cho ông Lê Đức H2 với giá 1.730.000.000 đồng, sau khi trả tiền vay của ngân hàng ngoại thương là 310.350.000 đồng và các chi phí khác còn lại 1.320.000.000 đồng, anh chị gửi tiết kiệm vào ngân hàng L từ ngày 16/4/2019 đến ngày 16/7/2019. Ngày 17/3/2020, anh chị nhận chuyển nhượng thửa đất số 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp với giá 900.000.000 đồng, số tiền còn lại là 420.000.000 đồng. Anh yêu cầu được nhận ½ số tiền còn lại là 210.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn Phan Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Tuyết M do những bất đồng, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh không thừa hành có đánh chị M như lời chị M trình bày, việc anh nhắn tin chửi bắt nguồn từ lý do chị M thường xuyên đi nhậu về trễ, anh ở nhà trông con, cháu T còn nhỏ khóc nhiều nên anh mới nhắn tin có nội dung như vậy để chị M về.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018, anh yêu cầu được nuôi con chung Phan Ngọc Anh T. Về cấp dưỡng, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu T hiện đang học tại Trường mầm Non MT. Trước đây cháu T học tại Trường mầm non HM, từ khoảng tháng 02/2021 đến nay anh đã chuyển cháu T về học tại Trường mầm non MT gần nhà anh. Từ khi chuyển cháu T học tại Trường mầm non MT thì tiền học phí và tiền sữa hàng tháng của cháu T là do anh chi trả, anh chứng minh bằng các phiếu đóng tiền học phí và xác nhận của trường, chị M chi trả các khoản chi phí khác. Anh trình bày tình

cảm cha con của anh và cháu T rất tốt, cháu rất thích và thường xuyên ngủ lại nhà anh.

Anh nêu các lý do cho yêu cầu được nuôi con chung gồm: Chị M đã có 01 người con với chồng trước là cháu Nguyễn Thành N, sinh năm 2009, cháu T là con duy nhất nên anh tha thiết yêu cầu được nuôi con; khi chị M mang thai cháu T khoảng 06 tháng vì không muốn sinh cháu T, chị M đã uống bia đến mức phải chở đi bệnh viện cấp cứu, sau khi sinh cháu T được hơn 02 tháng, chị M lấy gối đè lên mặt cháu để làm cháu ngạt thở, khi đó may mắn có anh kịp thời can ngăn, vì chị M có hành động như vậy nên anh thấy không an tâm khi giao cháu T cho chị M; chị M hiện ở nhà trọ nên chỗ ở không ổn định; công việc của chị M thường xuyên đi công tác về trễ, về khuya nên việc đưa rước, chăm sóc con không đảm bảo, có những ngày chị M đi về trễ nhờ anh rước và cháu T ngủ lại nhà anh; công việc của anh hiện là công chức tư pháp xã MT nên thu nhập ổn định có khả năng lo cho con, đồng thời hiện nay anh đang sống chung nhà với cha mẹ nên chỗ ở ổn định để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung:

Anh rút yêu cầu chia tài sản chung đối với số vàng cưới 13 chỉ vàng 24k. Rút một phần yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 70.000.000 đồng. Tại phiên toà, anh chỉ yêu cầu chia sản chung đối với tiền 350.000.000 đồng và thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Về nguồn gốc hình thành các tài sản, anh và chị M kết hôn ngày 28/6/2017. Ngày 02/10/2017, anh và chị M cùng nhau góp tiền để chị M nhận chuyển nhượng thửa đất 79, tờ bản đồ 31, xã MT, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/10/2017, anh góp 200.000.000 triệu đồng, giá trị đất nhận chuyển nhượng khoảng 460.000.000 đồng. Tháng 12/2017, anh và chị M có vay tín chấp tại Ngân hàng TMCP V 300.000.000 đồng để xây dựng nhà, tiền lãi ngân hàng mỗi tháng do anh nộp bằng tiền lương của anh và cung cấp các chứng từ giao dịch anh nộp tiền trả cho ngân hàng 10 tháng. Do anh phải trả lãi mỗi tháng bằng lương nên anh không đưa lương cho chị M. Ngày 26/4/2019, do không có khả năng trả nợ ngân hàng nên anh và chị M thống nhất bán nhà đất cho anh Lê Đức H2 với giá 1.730.000.000 đồng, anh và chị M cùng ký biên bản nhận cọc cùng ngày 26/4/2019. Sau khi bán nhà thì anh và chị M dọn ra nhà trọ sinh sống. Sau khi trừ chi phí thủ tục mua bán nhà, trả nợ và các khoản khác số tiền còn lại là 1.320.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền còn lại sau khi bán nhà đất anh giao cho chị M quản lý, sau đó chị M gửi tiết kiệm vào Ngân hàng TMCP L 01 sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm 320.000.000 đồng cùng vào ngày 20/5/2019.

Ngày 17/3/2020, anh và chị M nhận chuyển nhượng thửa đất 218, toà bản đồ số 37, tại xã Mỹ Tân với giá 900.000.000 đồng. Do là vợ chồng nên anh để chị M đứng tên, toàn bộ hồ sơ kê khai cấp giấy chị M ủy quyền cho anh thực hiện. Chị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2020.

Tại phiên tòa, anh yêu cầu được chia ½ giá trị thửa đất đất 218, tờ bản đồ số 37, tại xã Mỹ Tân, đồng ý giao cho chị Mai trực tiếp quản lý sử dụng đất. Anh thống nhất giá đất là 1.203.300.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH định giá A mà chị M đã cung cấp. Đối với những người giáp ranh tại thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp anh không biết những người này hiện nay ở đâu, không cung cấp được thông tin cho Tòa án vì khi nhận chuyển nhượng chỉ thực hiện trên hợp đồng không có đo đạc thực tế. Như vậy, anh yêu cầu được nhận ½ giá trị thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tương đương số tiền 601.650.000 đồng.

Như vậy, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 218, tờ bản đồ số 37 tại xã Mỹ Tân số tiền còn lại là 420.000.000 đồng. Chị M có đưa có anh số tiền 40.000.000 đồng để mua xe. Như lời chị M trình bày tại phiên tòa có cho em gái anh mượn tiền. Như vậy, nay anh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng. Anh chỉ yêu cầu chia số tiền còn lại là 350.000.000 đồng. Anh yêu cầu được chia ½ số tiền còn lại là 175.000.000 đồng.

Anh không thống nhất lời trình bày của chị M cho rằng khi chung sống chị phải dùng tiền để chăm lo gia đình, chăm sóc còn cái nhưng ngày 27/9/2019 chị M cho anh Lê Văn H1 và chị Nguyễn Thị P vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 16/9/2019 chị M cho anh Lê Trung E và chị Ngô Thị Hoàng O vay số tiền 70.000.000 đồng bằng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Như vậy, điều này chứng minh rằng khi còn là vợ chồng, chung sống thì hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh hoàn toàn không khó khăn như chị M.

Tại phiên tòa, anh không có yêu cầu, không có tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với anh Lê Văn H1, chị Nguyễn Thị P, anh Lê Trung E , chị Ngô Thị Hoàng O.

Anh trình bày hiện anh và chị M còn nợ Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp số tiền 57.000.000 đồng. Anh và chị M sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp việc trả nợ. Đối với ý kiến của Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp đề nghị không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng và không có tranh chấp trong vụ án này anh thống nhất.

Tại phiên tòa, anh thống nhất tự thỏa thuận với chị M về bộ bàn ghế trị giá 27.000.000 đồng không có yêu cầu, không có tranh chấp trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh H thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định ngày 02/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022; không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu nào khác, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại; không có tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác trong vụ án này.

Anh tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp tạm ứng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Phan Thanh H là luật sư Thái Quang T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ly hôn nên không tranh luận gì thêm.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh H với các lý do: Anh H có thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định, cháu T là con duy nhất của anh H, ngoài con chung với anh H, chị M còn có con chung với chồng trước lại đang ở nhà trọ việc giao cháu T cho anh nuôi dưỡng cũng giảm áp lực về tài chính và tạo điều kiện chăm sóc cháu T tốt nhất, trong quá trình mang thai và khi cháu T còn nhỏ chị M có biểu hiện tâm lý bạo hành đối với cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh H. Vì tất cả tài sản hình thành trong giai đoạn hôn nhân, khi mua bán tài sản chị M và anh H đều tham gia vào việc thỏa thuận. Chị M cho rằng công sức đóng góp lớn nhưng trước đây chị M là kế toán của bệnh viện thu nhập tương đương anh H. Chị M cho rằng tiền là do cha mẹ chị cho nhưng không có chứng cứ chứng minh. Như vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh H được nhận ½ giá trị thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tương đương số tiền 601.650.000 đồng. Đối với số tiền 350.000.000 đồng chấp nhận yêu cầu của anh H chia ½ số tiền là 175.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Chứng cứ do nguyên đơn nộp: Giấy khai sinh của Phan Ngọc Anh T (bản sao); trích lục kết hôn, CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh cháu Nguyễn Thành N (photo); Biên nhận ngày 26/4/2019 (bản photo); hồ sơ gửi tiết kiện tại ngân hàng TMCP L (photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất 218, tờ bản đồ số 37, diện tích 100m^2 tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (đối chiếu bản chính); vi bằng số 64/2022/VB-TPL ngày 27/7/2022 (bản chính); hồ sơ luật sư (bản sao chứng thực); hợp đồng lao động của Cao Thị Tuyết M ngày 01/4/2022 (đối chiếu bản chính); sao kê tài khoản của Cao Thị Tuyết M (bản photo); Đơn yêu cầu tham gia phiên tòa của nhà báo Bùi Ngọc D (bản chính).

Chứng cứ do bị đơn nộp: Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 79, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và giấy phép xây dựng nhà (photo); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 79, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (bản sao-chứng thực); 10 giấy nộp tiền vào Ngân hàng TMCP V của Phan Thanh H (photo); Hồ sơ gửi, rút tiền vào Ngân hàng TMCP L của Cao Thị Tuyết M (photo); hồ sơ chuyển nhượng, cấp giấy thửa 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân (photo); hồ sơ luật sư (bản sao-chứng thực); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và vay tiền của Lê Văn H1, Nguyễn Thị P ngày 27/9/2019 (photo); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và vay tiền của Lê Trung E, Ngô Thị Hoàng O ngày 16/10/2020 (photo); 17 biên lai thu tiền học phí của Phan Ngọc Anh T (bản chính); giấy xác nhận của trường mầm non MT (bản chính);

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản thẩm định tại chỗ 04/7/2022 và 02/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022; Hợp đồng đo đạc số 1110/HĐ.DĐ ngày 26/8/2022; Công văn 2370/CNVPĐKĐĐ-TPCL ngày 21/9/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐTPCL; Công văn 76/CV-CNĐT ngày 14/10/2022 của NH TMCP L; Chứng thư thẩm định giá 5062HCM/2022/CT-TĐG/AVC ngày 25/11/2022 của Công ty TNHH Định Giá A; Văn bản ý kiến số 76/NHCS-KHTD ngày 20/02/2023 của Ngân hàng C tỉnh Đồng Tháp; Hồ sơ niêm yết sơ đồ đo đạc và biên bản thẩm định ngày 02/8/2022;

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:

Nguyên đơn Cao Thị Tuyết M và bị đơn Phan Thanh H thoả thuận tự

nguyện ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, không có yêu cầu ai khác, không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không có yêu cầu thẩm định, định giá lại.

Các đương sự thống nhất giá trị tài sản là 1.203.300.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá 5062HCM/2022/CT-TĐG/AVC ngày 25/11/2022 của Công ty TNHH Định Giá A.

Các đương sự thống nhất còn nợ Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp số tiền 57.000.000 đồng, sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp việc trả nợ. Đối với ý kiến của Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp đề nghị không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng và không có tranh chấp trong vụ án này nguyên đơn, bị đơn thống nhất.

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất không có yêu cầu, không có tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với anh Lê Văn H1, chị Nguyễn Thị P, anh Lê Trung E, chị Ngô Thị Hoàng O trong vụ án này.

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất tự thỏa thuận về bộ bàn ghế trị giá 27.000.000 đồng không có yêu cầu, không có tranh chấp trong vụ án này.

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất theo Biên bản thẩm định tại chỗ 04/7/2022 và 02/8/2022; Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022; không có yêu cầu, tranh chấp với người giáp ranh, trường hợp tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Nguyên đơn không đồng ý giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, về hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H; về con chung, giao con chung Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Cao Thị Tuyết M nuôi dưỡng; các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc chia tài sản chung đối với số tài sản 13 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu của anh H về việc chia tài sản chung là thửa đất 218, tờ bản đồ 37 và số tiền 120.000.000 đồng, chị M và anh

H mỗi người nhận ½ tài sản. Chị M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 100m^2 thuộc thửa đất 218, tờ bản đồ 37. Chị M có trách nhiệm trả lại cho anh Hùng tổng số tiền là 661.650.000 đồng; Nợ chung: Do Ngân hàng C Chi nhánh Đồng Tháp không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Phan Thanh H có địa chỉ tại phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Về tư cách tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp số tiền 57.000.000 đồng. Văn bản ý kiến số 76/NHCS-KHTD ngày 20/02/2023 của Ngân hàng C tỉnh Đồng Tháp đề nghị không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng và không có tranh chấp trong vụ án này. Đồng thời nguyên đơn, bị đơn thống nhất sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng C – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp về việc trả nợ. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải đưa Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp vào tham gia tố tụng. Trường hợp Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đồng Tháp và các đương sự không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thống nhất không có yêu cầu, không có tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với anh Lê Văn H1, chị Nguyễn Thị P, anh Lê Trung E, chị Ngô Thị Hoàng O và không có yêu cầu ai khác có nghĩa vụ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Ngoài các yêu cầu đã trình bày, các đương sự xác định không tranh chấp nội dung nào khác và không yêu cầu ai khác.

Nguyên đơn, bị đơn không có thông tin người giáp ranh và thống nhất với Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 và Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022. Tòa án đã tiến hành niêm yết Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 và Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022. Tuy nhiên, hết thời gian niêm yết không có thông tin, ý kiến tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 và Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022 để xem xét giải quyết vụ án. Trường hợp sau khi tiến hành bàn giao đất trên thực tế có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 28/6/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị M và anh H cùng trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 02/2021 đến nay, chị M và anh H không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm giữa không còn, không thể hàn gắn được, cả chị M và anh H đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận tự nguyện ly hôn của chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H

Về con chung: Chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H có một con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018, hiện con chung đang sống chung với chị M. Cả chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phan Ngọc Anh T là con duy nhất của anh Phan Thanh H. Hiện nay, anh H có công việc ổn định, có thu nhập đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, chi trả toàn bộ tiền học phí và sữa cho cháu T từ khi cháu chuyển về Trường mầm non MT học. Đồng thời, anh H sống tại nhà bố

mẹ đẻ có sự ổn định về chỗ ở và người phụ giúp trông cháu T trong trường hợp anh H bận công tác. Cháu T hiện đang học tại trường mầm non MT gần nhà anh H, cháu cũng thường xuyên ngủ lại nhà anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M cũng thừa nhận tình cảm cha con giữa anh H và cháu T tốt, khi chị bận đi công tác chị cũng thường nhờ anh H rước cháu T. Ngoài ra, tại phiên tòa chị M cũng thừa nhận khi mang thai cháu T có 01 lần uống bia đến mức phải đi bệnh viện cấp cứu và khi sinh cháu T được 01-02 tháng có dùng gối đè lên mặt cháu T, mục đích để làm cho anh H quan tâm, chăm sóc chị M nhiều hơn. Trong khi đó, ngoài cháu T, chị M còn có con riêng với người chồng trước, hiện chị M ở trọ nên không có sự ổn định về chỗ ở. Xét đề nghị của luật sư của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát giao con chung cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng là chưa phù hợp nên không chấp nhận. Xét đề nghị của luật sư của bị đơn đề nghị giao con chung cho anh H là phù hợp nên chấp nhận. Từ các căn cứ nêu trên, để đảm bảo cho cháu Phan Ngọc Anh T có sự ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh H, giao con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do cháu T đang sống cùng chị M nên buộc chị M có trách nhiệm giao con chung là cháu Phan Ngọc Anh T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung:

Bị đơn Phan Thanh H rút một phần yêu cầu chia tài sản chung đối với số vàng cưới 13 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng, bị đơn chị Cao Thị Tuyết

M không có ý kiến gì khác đối với việc rút yêu cầu của anh H. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu là sự tự nguyện của anh H, không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Phan Thanh H đối với số vàng cưới 13 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phan Thanh H có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và số tiền 350.000.000 đồng. Anh H yêu cầu nhận ½ giá trị thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, diện tích 100m^2 tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tương đương 601.650.000 đồng và ½ số tiền 350.000.000 đồng tương đương 175.000.000 đồng. Tổng cộng, anh H yêu cầu được chia giá trị tài sản chung số tiền là 776.650.000 đồng.

Nguyên đơn Cao Thị Tuyết M không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn Phan Thanh H. Trường hợp Hội đồng xét xử chia tài sản chung thì chị yêu cầu được nhận thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và trả giá trị cho anh H.

Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có căn cứ xác định chị M và anh H kết hôn ngày 28/6/2017 đến ngày 02/10/2017 chị M và anh H nhận chuyển nhượng thửa đất 79, tờ bản đồ 31, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, chị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/10/2017. Chị M cho rằng tiền dùng để nhận chuyển nhượng thửa đất là tiền riêng của chị và tiền mặt cha mẹ chị cho nhưng chị M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Chị M trình bày công sức đóng góp của chị cho tài sản này nhiều hơn nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Anh H trình bày khi xây dựng nhà vào tháng 12/2017 thì anh và chị M có vay tiền của Ngân hàng TMCP V 300.000.000 đồng, chị M thừa nhận nội dung này. Chị M trình bày chị là người trực tiếp hoặc đưa tiền cho anh H trả tiền lãi hàng tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi đó anh H cung cấp được 10 biên lai nộp tiền trả cho ngân hàng. Do đó, không có cơ sở xác định công sức đóng góp của chị M là nhiều hơn. Như vậy, thửa đất 79, tờ bản đồ 31, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản có được sau khi kết hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là tài sản chung của chị M và anh H và có quyền ngang nhau đối với tài sản chung.

Chị M và anh H thống nhất trình bày, do không có khả năng trả nợ ngân

hàng nên đã bán nhà đất trên thửa đất 79, tờ bản đồ 31, tại xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho anh Lê Đức H2 với giá 1.730.000.000 đồng, Biên nhận ngày 26/4/2019 anh H và chị M cùng ký tên vào biên nhận nhận tiền cọc bán nhà. Sau khi trừ chi phí thủ tục mua bán nhà, trả nợ và các khoản khác số tiền còn lại là 1.320.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền còn lại sau khi bán nhà đất anh H giao cho chị M quản lý, sau đó chị M gửi tiết kiệm vào Ngân hàng TMCP L 01 sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm 320.000.000 đồng cùng vào ngày 20/5/2019. Như vậy, thửa đất 79, tờ bản đồ 31, tại xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp được xác định là tài sản chung nên số tiền 1.320.000.000 đồng còn lại sau bán nhà đất cũng là tài sản chung của chị M và anh H.

Ngày 17/3/2020, chị Cao Thị Tuyết M nhận chuyển nhượng thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp với giá 900.000.000 đồng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2020, hồ sơ cấp giấy chị M uỷ quyền cho anh H thực hiện kê khai, đăng ký. Chị M thừa nhận dùng một phần từ số tiền 1.320.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất. Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của chị M và anh H. Các đương sự thống nhất giá trị thửa đất là 1.203.300.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá 5062HCM/2022/CT-TĐG/AVC ngày 25/11/2022 của Công ty TNHH Định Giá A là phù hợp với giá trị tài sản theo giá thị trường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của luật sư nguyên đơn là không phù hợp nên không chấp nhận. Xét đề nghị của luật sư của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh H về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, giá trị thửa đất là 1.203.300.000 đồng. Chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H mỗi người được nhận ½ thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chấp nhận yêu cầu được nhận ½ giá trị thửa đất của anh H và yêu cầu được nhận đất của chị M. Chị M được nhận thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền 601.650.000 đồng tương đương ½ giá trị thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung ½ số tiền 350.000.000 đồng của anh Phan Thanh H, tương đương 175.000.000 đồng. Tại phiên toà, các chị M và anh H thừa nhận số tiền còn lại sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị M cho rằng số tiền hiện không còn do chị đã chi tiêu trong sinh hoạt gia đình và chăm lo con cái trong thời gian anh H không đưa tiền lương cho chị và thời gian chị và anh H ly thân. Anh H không thừa nhận nội dung chị M trình bày và cung cấp tài liệu chứng minh vào tháng 9/2019 chị M đã dùng một phần số tiền có được sau khi bán nhà đất để cho vay và lấy lãi. Ngoài ra, việc chị M tự ý chi tiêu không trao đổi với anh H nên anh H không đồng ý như lời trình bày của chị M. Như vậy, chị M thừa nhận số tiền 350.000.000 đồng do chị trực tiếp quản lý, đã dùng toàn bộ số tiền vào chi tiêu sinh hoạt gia đình nhưng không chứng minh được và thừa nhận việc dùng để cho vay lấy lãi, khi chi tiêu chị không có trao đổi, bàn bạc với anh H.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh H đối với số tiền 120.000.000 đồng là số tiền chị M dùng cho vay lấy lãi là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nên không chấp nhận. Xét đề nghị của luật sư nguyên đơn là chưa phù hợp nên không chấp nhận. Xét đề nghị của luật sư bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh H về việc chia ½ tài sản chung khi ly hôn đối với số tiền 350.000.000 đồng. Anh Phan Thanh H được nhận số tiền 175.000.000 đồng, chị Cao Thị Tuyết M được nhận 175.000.000 đồng. Do chị M đang trực tiếp quản lý số tiền nên chị M có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền 175.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H thống nhất còn nợ Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, chị M, anh H, Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp thống nhất không tranh chấp trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn Cao Thị Tuyết M phải chịu án phí về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn và án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

Bị đơn Phan Thanh H phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của bị đơn Phan Thanh H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thoả thuận ly hôn của chị Cao Thị Tuyết M và anh Phan Thanh H.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Cao Thị Tuyết M. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Phan Thanh H. Giao con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho anh Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Cao Thị Tuyết M. Buộc chị Cao Thị Tuyết M có trách nhiệm giao con chung tên Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho anh Phan Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh Phan Thanh H đối với số vàng cưới 13 chỉ vàng 24k và số tiền 70.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh Phan Thanh H.

Anh Phan Thanh H và chị Cao Thị Tuyết M mỗi người được nhận ½ thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết M được nhận thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, do chị Cao Thị Tuyết M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả giá trị cho anh Phan Thanh H. Chị Cao Thị Tuyết M có trách nhiệm trả lại cho anh Phan Thanh H số tiền 601.650.000 đồng tương đương giá trị ½ thửa đất 218, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại xã Mỹ Tân, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phan Thanh H và chị Cao Thị Tuyết M mỗi người được nhận ½ số tiền 350.000.000 đồng. Như vậy, anh Phan Thanh H và chị Cao Thị Tuyết M mỗi người được nhận 175.000.000 đồng. Do chị Cao Thị Tuyết M đang quản lý số tiền 350.000.000 đồng nên chị Cao Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả lại cho anh H số tiền 175.000.000 đồng.

Tổng cộng, chị Cao Thị Tuyết M có trách nhiệm trả lại cho anh Phan Thanh H số tiền 776.650.000 đồng.

(kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 và Sơ đồ đo đạc ngày 07/9/2022 theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2022)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc của anh Phan Thanh H số tiền 2.371.000 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng và chi xong.

Về án phí: Chị Cao Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình là 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí chia tài sản chung là 35.066.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng, chị Cao Thị Tuyết M phải chịu 35.141.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình, chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005170 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp. Chị Cao Thị Tuyết M còn phải nộp 34.841.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm bốn

mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình và chia tài sản chung.

Anh Phan Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình là 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí chia tài sản chung là 35.066.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng, anh Phan Thanh H phải chịu 35.141.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, gia đình, chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 35.853.000 đồng (Ba mươi làm triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005676 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp. Anh Phan Thanh H được nhận lại 712.000 đồng (bảy trăm mười hai ngàn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL:
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND phường Mỹ Phú, Tp Cao Lãnh, ĐT (số 33 ngày 28/6/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Thảo